

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1522/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 20 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số: 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Thông tư số: 02/2017/TT-UBND, ngày 22/05/2017 của Ủy ban Dân tộc, về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Công văn số: 951/UBND-CSĐT, ngày 13/9/2017 của Ủy ban Dân tộc, về việc góp ý dự thảo Đề án theo Quyết định 2085/QĐ-TTg của tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông tại Công văn số: 532/BDT-KHTH, ngày 19 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (có Đề án đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Các Bộ: NN&PTNT, Tài Chính, Kế hoạch & Đầu tư;
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2017-2020 THEO
QUYẾT ĐỊNH 2085/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1522/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 9 năm 2017
của UBND tỉnh Đắk Nông)*

**Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Đắk Nông
Cơ quan xây dựng Đề án: Ban Dân tộc tỉnh**

Đắk Nông tháng 9 năm 2017



h

ĐỀ ÁN

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2017-2020 THEO QUYẾT ĐỊNH 2085/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Gọi tắt là Đề án 2085)

Căn cứ xây dựng Đề án:

- Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;
- Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22/05/2017 của Ủy ban Dân tộc, về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;
- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo mới theo hướng tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.
- Căn cứ Công văn số 3153/UBND-KGVX, ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh, V/v triển khai thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 (trong đó có nội dung quy định về định mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình làm cơ sở xác định đối tượng hộ chưa có đất, hộ thiếu đất sản xuất theo Quyết định 2085/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh).

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Đắk Nông là tỉnh nằm ở phía Nam Tây Nguyên có diện tích tự nhiên là 6.513km², kinh tế chủ yếu là cây công nghiệp lâu năm như: Cao su, cà phê, hồ tiêu, điều...và sản xuất nông nghiệp, khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt mùa mưa và mùa khô, giao thông chủ yếu là đường bộ.

Dân số có 149.689 hộ với khoảng 650.000 người, bao gồm 40 thành phần dân tộc, trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số trên toàn tỉnh có 42.666 hộ với 195.823 người, chiếm tỷ lệ 31,44% dân số toàn tỉnh, có 03 dân tộc thiểu số tại chỗ là M'Nông, Mạ và Ê Đê với 13.437 hộ, 62.235 người, chiếm 9,99% so với dân số toàn tỉnh và 31,78% so với tổng số dân tộc thiểu số (số liệu theo Quyết định số 481/QĐ-UBND, ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2016-2020). So với năm 2004, dân số là đồng bào dân tộc thiểu số tăng 16.128 hộ với 53.381 người (trung bình tăng gần 4.500 người/năm).

Theo Quyết định 582/QĐ-TTg, ngày 28/4/2017 của Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020, tỉnh Đắk Nông có 15 xã khu vực I, 44 xã khu vực II và 12 xã khu vực III, 78 thôn khu vực II và 179 thôn khu vực III thuộc thôn đặc biệt khó khăn.

Về kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo mới theo hướng tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, kết quả điều tra, rà soát năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh có 28.739 hộ, chiếm 19,20%; đồng bào dân tộc thiểu số 17.232 hộ, chiếm 40,39%; đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ 7.228 hộ, chiếm 53,79%.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết của đề án

Đắk Nông là tỉnh thuộc vùng cao, người dân chủ yếu canh tác nông nghiệp, ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số (DTTS) còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ trong vùng đồng bào DTTS sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn như: Thực hiện cấp đất ở, đất sản xuất theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 08/10/2002, Quyết định số 134/QĐ-TTg ngày 20/7/2004, Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012 và Quyết định 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015, Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009, Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ... Những chính sách trên đã góp phần quan trọng trong việc giảm nghèo ở vùng đồng bào DTTS và vùng đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho hộ nghèo có thu nhập, cải thiện cuộc sống, vươn lên thoát nghèo. Ngoài định mức hỗ trợ từ các chương trình, chính sách, nhiều hộ còn được vay vốn từ nguồn vốn tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tạo điều kiện cho hộ gia đình tăng thu nhập và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh nhiều hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo và hộ gia đình nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn cần tiếp tục được hỗ trợ (do tách hộ, di cư tự do...) hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, hỗ trợ định canh, định cư. Vì vậy, việc lập Đề án thực hiện theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là rất cần thiết.

2. Quan điểm và mục tiêu của đề án

a) Quan điểm

- Trong giai đoạn 2017 – 2020, tập trung hỗ trợ và giải quyết được 90% số hộ thiếu đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt phân tán cho các hộ DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn (sau đây gọi tắt: xã, thôn ĐBKK), có đời sống khó khăn.

- Tập trung huy động các nguồn lực hỗ trợ, lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình để đảm bảo kinh phí thực hiện hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ nghèo có đời sống khó khăn, bao gồm: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn hỗ trợ từ cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài tỉnh và các chương trình hỗ trợ khác như Chương trình 135, Chương trình mục tiêu Quốc gia về

nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình xây dựng nông thôn mới...

b) Mục tiêu

- Phân đầu đến hết năm 2020, hỗ trợ cho 12.208 hộ theo Đề án 2085 (tương đương với 100% so với số hộ hưởng lợi của Đề án).

- Từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống cho hộ nghèo; góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh trên 2%/năm và trong vùng DTTS giảm trên 3%/năm. Đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm xuống dưới 15%.

3. Kết quả thực hiện chính sách theo Quyết định 134, 1592, 755

a) Thực hiện Quyết định 134/QĐ-TTg

- **Về đất ở:** Số hộ đã được hỗ trợ 518 hộ diện tích 14,8ha.

- **Đất sản xuất:** Số hộ đã được hỗ trợ: 449 hộ diện tích 185,8ha.

- **Nhà ở:** Làm mới: 2.531 căn; hỗ trợ sửa chữa: 2.728 căn.

- **Nước sinh hoạt:**

+ **Nước sinh hoạt tập trung:** Số công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 133 công trình, phục vụ cho 10.340 hộ được sử dụng.

+ **Nước sinh hoạt phân tán:** Số hộ được hỗ trợ: 1.483 hộ. Trong đó, đào giếng: 206 hộ; hỗ trợ bồn nhựa, xây bể: 1.277 hộ.

b) Thực hiện Quyết định 1592/QĐ-TTg

- **Về đất ở:** Vận động hộ dân tạo quỹ đất và nhà nước hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 167/QĐ-TTg.

- **Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề:** Đã hỗ trợ được 1.086 hộ. Hình thức hỗ trợ: Mua nông cụ, máy móc (máy bơm thuốc trừ sâu, máy phát cỏ, máy khâu, ống tưới nước, đào tạo nghề lái xe).

- **Nước sinh hoạt phân tán:** Số hộ đã hỗ trợ được 1.642 hộ.

- **Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung:** Đã xây dựng được 12 công trình.

c) Thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg

- **Đất ở:** Các hộ gia đình tự tạo quỹ đất ở bằng hình thức sang nhượng cho nhau.

- **Đất sản xuất:** Giải quyết được 95 hộ, diện tích 40ha; Hỗ trợ mua nông cụ, chuyển đổi ngành nghề 3.577 hộ.

- **Nước sinh hoạt phân tán:** Hỗ trợ được 4.808 hộ.

- **Nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã thực hiện với tổng số kinh phí 23.850 triệu đồng/3.577 hộ vay.**

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN 2085

1. Công tác điều hành chỉ đạo

Thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016, Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo số 3153/UBND-KGVX, ngày 20/6/2017, về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng thụ hưởng theo Đề án

Là hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo mới theo hướng tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp không có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo định mức quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

Định mức quy định hộ thiếu đất ở, đất sản xuất tại địa phương được UBND tỉnh quy định định mức bình quân cho mỗi hộ gia đình tại Công văn số 3153/UBND-KGVX ngày 20/6/2017. Trong đó, về đất ở: Định mức quy định chung là 200 m²/hộ; đất nương, rẫy, nuôi trồng thủy sản là 5.000 m²/hộ; diện tích ruộng lúa nước 01-03 vụ là 2.500 m²/hộ. Hộ thiếu 50% trở lên theo định mức trên gọi là thiếu đất sản xuất.

3. Nguồn vốn thực hiện và định mức hỗ trợ chính sách theo Đề án

a) Nguồn vốn

- Nguồn vốn từ Trung ương thực hiện hỗ trợ theo định mức quy định tại Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tỉnh Đắk Nông là một tỉnh nghèo, vì vậy chưa có kinh phí để hỗ trợ các hạng mục thuộc Đề án. Nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện) chỉ thực hiện hỗ trợ các nhiệm vụ như: Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động kiểm tra, hướng dẫn thực hiện; đo đạc, cấp GCN Quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất.

Nguồn vốn hỗ trợ các hạng mục theo định mức cụ thể (tại mục b) sau đây

b) Định mức hỗ trợ

- **Đất ở:** Thực hiện cân đối, bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp huyện để thực hiện cấp đất ở theo chương trình.

- Đất sản xuất

+ **Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất:** Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/hộ, hộ gia đình vay vốn từ nguồn vay tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) không quá 50 triệu đồng/hộ.

+ **Hỗ trợ chuyển đổi nghề:** Các địa phương không thực hiện giải quyết được bằng cấp đất sản xuất, chuyển sang hình thức hỗ trợ vốn để chuyển đổi nghề nghiệp thì được ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/hộ và vay vốn tín dụng tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ.

- **Nước sinh hoạt:** Hộ gia đình thiếu nước sinh hoạt, định mức ngân sách Trung ương hỗ trợ bình quân 1,5 triệu đồng/hộ để tạo nguồn nước. Kinh phí hỗ trợ

phù hợp với điều kiện thực tế của thôn, xã và điều kiện sinh hoạt của hộ gia đình như đào giếng, tạo nguồn nước, mua vật dụng dẫn nước, trữ nước...

- Hỗ trợ thực hiện định canh, định cư

Tiếp tục hỗ trợ đầu tư các dự án định canh, định cư tập trung (viết tắt ĐCĐC), dự án ĐCĐC xen ghép đang thực hiện dở dang và dự án ĐCĐC xen ghép chưa thực hiện, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2, Điều II của Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-UBND-BTC ngày 27/12/2013 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015. Với quan điểm Nhà nước hỗ trợ xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu, các hộ du canh du cư thực hiện ĐCĐC (gồm cả ĐCĐC tập trung và xen ghép) được giao đất ở, đất sản xuất, diện tích tối thiểu theo mức quy định tại Công văn số 3153/UBND-KGVX, ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh; hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ ĐCĐC để làm nhà ở, phát triển sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi đến điểm ĐCĐC, nước sinh hoạt.

Đối với điểm ĐCĐC xen ghép: Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã với mức 20 triệu đồng/hộ để sử dụng vào việc bồi thường đất ở, đất sản xuất cho hộ dân sở tại bị thu hồi đất giao cho hộ ĐCĐC theo chế độ quy định, trường hợp còn dư, số kinh phí này được sử dụng để bổ sung cho nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã. Ngoài ra còn hỗ trợ cán bộ phát triển cộng đồng tại các điểm ĐCĐC cư tập trung, gồm: Cán bộ y tế và cán bộ khuyến nông; hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới đưa vào sản xuất,...

4. Nội dung Đề án 2085

a) Đất ở: Tổng số hộ thực hiện: 1.468 hộ, kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp huyện): 143,3 triệu đồng.

b) Hỗ trợ đất sản xuất

Tổng số hộ có nhu cầu thực hiện hỗ trợ là: 5.424 hộ, với kinh phí hỗ trợ từ Trung ương: 33.140 triệu đồng; vốn vay thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội: 186.187,7 triệu đồng. Hình thức thực hiện:

- Số hộ hỗ trợ đất sản xuất: 602 hộ, diện tích khoảng 266,5ha; kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ: 9.030 triệu đồng, vốn vay từ NHCSXH: 30.100 triệu đồng.

Phương án thực hiện: Tùy theo thực tế tại mỗi địa phương (UBND cấp xã) để thực hiện cho phù hợp nhằm tạo cho hộ gia đình có đất sản xuất bằng các hình thức như: hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho hộ gia đình mua hoặc hỗ trợ cho hộ sang nhượng lại, bằng khai hoang từ các công ty lâm nghiệp....

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề: 4.822 hộ; kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ: 24.110 triệu đồng, vốn vay từ NHCSXH: 156.087,7 triệu đồng.

Phương án giải quyết: Tùy thuộc vào khả năng, mỗi địa phương (cấp huyện, cấp xã) thực hiện việc hỗ trợ cho phù hợp để các hộ dân phát huy được hiệu quả từ

nguồn vốn hỗ trợ chuyên nghề, đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ngành nghề không trái pháp luật thay thế cấp đất sản xuất.

c) Nước sinh hoạt phân tán

Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 4.886 hộ. Kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ: 7.329 triệu đồng.

d) Hỗ trợ bố trí, sắp xếp ổn định dân cư

Tiếp tục đầu tư hỗ trợ những điểm ĐCĐC đã được phê duyệt tại các điểm tập trung, xen ghép tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trên địa bàn tỉnh thực hiện đầu tư 03 dự án còn dở dang (trong đó có 02 dự án ĐCĐC tập trung, với 261 hộ và 01 dự án ĐCĐC xen ghép, với 100 hộ), 01 dự án xen ghép với quy mô 69 hộ chưa thực hiện. Tổng kinh phí thực hiện đầu tư 04 dự án: 44.589 triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển là 35.280 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 9.309 triệu đồng*), cụ thể các Dự án như sau:

- Dự án ĐCĐC tập trung dở dang tại xã Đắc R'La, huyện Đắc Mil: Sắp xếp cho 148 hộ, 776 khẩu, tổng kinh phí thực hiện là 10.820 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 9.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 1.820 triệu đồng.

- Dự án ĐCĐC tập trung dở dang tại xã Quảng Phú, huyện Krông Nô: Sắp xếp cho 113 hộ, 568 khẩu, tổng kinh phí thực hiện là 11.994 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 10.300 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 1.694 triệu đồng.

- Dự án ĐCĐC xen ghép dở dang tại xã Đắc Drông, huyện Cư Jút: Sắp xếp cho 100 hộ, 465 khẩu, tổng kinh phí thực hiện là 7.427 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 4.530 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 2.897 triệu đồng.

- Dự án ĐCĐC xen ghép chưa thực hiện tại xã Đắc Nang, huyện Krông Nô: Sắp xếp cho 69 hộ, 387 khẩu, tổng kinh phí thực hiện là 14.348 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 11.450 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 2.898 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

e) Kinh phí quản lý Chương trình

Để triển khai việc kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án 2085, ngân sách địa phương (NS tỉnh) bố trí kinh phí cho cơ quan theo dõi, kiểm tra Đề án 2085 tỉnh (Ban Dân tộc tỉnh) là: 105 triệu đồng, bình quân 01 năm là 35 triệu đồng. Kinh phí chi cho công tác quản lý thuộc địa bàn cấp huyện (giao cho Phòng Dân tộc) thuộc UBND huyện, thị xã do ngân sách huyện, thị xã bố trí hàng năm với tổng số 240 triệu đồng, bình quân số kinh phí cấp: 10 triệu đồng/huyện/năm.

5. Nhu cầu kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ các hạng mục thực hiện Đề án: **271.734** triệu đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một tỷ, bảy trăm ba mươi tư triệu đồng*).

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách Trung ương hỗ trợ: 85.058,0 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn vốn vay NHCSXH: 186.187,7 triệu đồng (trong đó số hộ đồng bào DTTS sinh sống tại các xã khu vực III, thôn, bản đặc biệt khó khăn, có nhu cầu vay vốn là 2.875 hộ với kinh phí: 143.750 triệu đồng).

- Kinh phí từ ngân sách địa phương: 88,3 triệu đồng.

Kế hoạch phân kỳ vốn đầu tư trung hạn phân bổ từ nguồn Trung ương và vốn vay:

Năm 2018: - Nguồn ngân sách TW: 63.866 triệu đồng.

- Vốn vay từ NHCSXH: 100.114 triệu đồng.

Năm 2019-2020: - Nguồn ngân sách TW: 21.192 triệu đồng.

- Vốn vay từ NHCSXH: 86.073,7 triệu đồng.

6. Cơ chế huy động và lồng ghép từ các nguồn vốn khác

Bên cạnh nguồn vốn từ Trung ương phân bổ hàng năm và ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện theo đề án, các ngành, các cấp thực hiện huy động nguồn lực trong cộng đồng nhân dân và lồng ghép kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình nông thôn mới; các Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn, phụ nữ, thanh niên v.v...

7. Về cấp phát, thanh quyết toán theo Đề án

Để việc triển khai thực hiện đạt kết quả và theo quy định, trên cơ sở thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định số 2085 và theo Thông tư số 02, vốn vay tín dụng NHCSXH áp dụng theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

8. Thời gian thực hiện Đề án: Năm 2017 đến năm 2020.

9. Giải pháp thực hiện

a) Về đất ở:

- Sắp xếp và bố trí hộ thiếu đất ở trong các dự án đã quy hoạch theo các chương trình như: Dự án quy hoạch ổn định dân di cư tự do, chương trình ĐCĐC...

- Các cấp, các ngành tăng cường công tác vận động hộ gia đình trong dòng họ sang nhượng lại diện tích đất của các hộ có nhiều đất để cấp cho hộ không có đất ở.

Về thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do ngân sách cấp huyện bố trí thực hiện.

b) Về đất sản xuất

Quỹ đất sản xuất để thực hiện hỗ trợ cấp cho hộ dân theo Đề án:

- Đất do các địa phương quản lý.

- Đất do các hộ dân mua lại hoặc sang nhượng cho nhau.

Sau khi cấp đất ở, đất sản xuất, UBND huyện cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ dân, kinh phí cấp GCNQSDĐ sử dụng từ nguồn ngân sách cấp huyện để thực hiện.

Đối với những huyện không thực hiện được bằng hình thức hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất thì chuyển bằng hình thức hỗ trợ vào đầu tư sản xuất, chuyển đổi ngành nghề bảo đảm phù hợp với từng hộ gia đình.

c) Về nước sinh hoạt phân tán

Tùy theo tình hình thực tế tại mỗi huyện, thị xã có thể tiến hành hỗ trợ: Theo nhóm hộ trên cơ sở mức bình quân định mức là 1,5 triệu đồng/hộ để xây dựng những công trình sử dụng chung, nhóm hộ tự nguyện, cam kết bảo vệ và duy trì công trình, bảo đảm nguồn nước ổn định. Hỗ trợ trực tiếp kinh phí cho hộ dân tự đào giếng nước, cải tạo nguồn nước, xây bể chứa hoặc mua lu, bồn chứa nước...

d) Chương trình định canh, định cư

Tiếp tục thực hiện các dự án ĐCĐC tập trung, xen ghép còn dở dang và điểm mới theo Quyết định 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh

Việc tham mưu UBND tỉnh trong công tác triển khai, thực hiện Đề án, thực hiện như sau:

1. Nhiệm vụ cụ thể của các Sở, Ban, ngành có liên quan

a) Ban Dân tộc tỉnh

- Là cơ quan thường trực tham mưu, tổ chức thực hiện Đề án 2085.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh lập kế hoạch nhu cầu vốn hàng năm và phân bổ nguồn vốn thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan mở các lớp đào tạo nghề cho lao động có nhu cầu học nghề thuộc Đề án.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo dõi, phối hợp với các huyện, thị xã và đơn vị liên quan tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai cấp đất sản xuất.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh và các ngành có liên quan lập kế hoạch vốn, phân bổ, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển hàng năm để tham mưu UBND tỉnh quyết định việc thực hiện hỗ trợ xây dựng từ nguồn vốn đầu tư thực hiện các hạng mục theo Đề án.

d) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bố trí từ nguồn sự nghiệp và ngân sách tỉnh để bố trí kinh phí các hạng mục thuộc Đề án; tham mưu, bố trí kinh phí cho cơ quan thường trực Đề án 2085 của tỉnh. Thực hiện quản lý,

kiểm tra, theo dõi và tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến công tác thanh, quyết toán các hạng mục hỗ trợ thuộc Đề án.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn, đặc biệt là việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các đối tượng được hưởng chính sách theo Đề án sau khi được hỗ trợ về đất.

f) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn các ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã về đào tạo nghề trên địa bàn toàn tỉnh.

g) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Phối hợp với UBND các huyện, thị xã và đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện, quản lý và hướng dẫn thủ tục cho vay tín dụng đối với các hộ được hỗ trợ theo Đề án.

2. Các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội (Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội LH Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM tỉnh)

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để tham gia chỉ đạo, tuyên truyền, giám sát thực hiện Đề án.

3. UBND các huyện, thị xã

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán các hạng mục hỗ trợ thuộc Quyết định 2085 và theo thông tư số 02 nhằm đảm bảo hỗ trợ đúng mục tiêu, đúng đối tượng và có đầy đủ thủ tục, chứng từ theo quy định.

Trên cơ sở nguồn kinh phí được giao tiến hành triển khai, rà soát đối tượng theo Đề án 2085 đảm bảo hộ được hỗ trợ phải là hộ nghèo và đủ tiêu chí theo quy định thuộc chương trình như: Thiếu hoặc không có đất ở, đất sản xuất và khó khăn về nước sinh hoạt; hộ được hỗ trợ chưa được hưởng các chính sách về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

Căn cứ vào nguồn vốn được phân bổ để triển khai thực hiện hỗ trợ các hạng mục thuộc đề án đạt hiệu quả, đúng quy định. Riêng hạng mục đất sản xuất, nếu trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, tùy vào tình hình thực tế của mỗi địa phương (cấp huyện, xã) để hỗ trợ bằng một trong các hình thức như: Cấp đất, chuyển đổi nghề nhằm đảm bảo hỗ trợ cho hộ thoát nghèo bền vững.

4. Chế độ báo cáo

UBND các huyện, thị xã báo cáo tình hình thực hiện các hạng mục hỗ trợ theo Đề án gửi về cơ quan thường trực (Ban Dân tộc tỉnh) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, các Bộ, ngành có liên quan theo định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12 hàng

năm) và cả giai đoạn (trước ngày 15/12/2020); báo cáo đột xuất khi các cấp, ngành có yêu cầu.

Trong quá trình triển khai Đề án, Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc về UBND tỉnh để xem xét, giải quyết.

Xây dựng Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 nhằm hỗ trợ hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở thôn, xã đặc biệt khó khăn của tỉnh có đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và ổn định dân cư là chủ trương lớn và đúng đắn của Đảng và Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc thực hiện Đề án 2085 được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền; đồng thời cần được sự phối hợp đồng bộ của các tổ chức đoàn thể và sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh./.

BIỂU THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DTTS VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2017-2020
THEO QUYẾT ĐỊNH 2085/QĐ-TTg NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
 (Kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND, ngày 20/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng/hộ/ha

S T T	Huyện, thị xã	Tổng số hộ hưởng các chính sách	Tổng vốn giai đoạn 2017- 2020 (NSTW)	Tổng vốn vay	Đất ở			Đất sản xuất						Nước sinh hoạt		Bổ trí sắp xếp ổn định dân cư					Vốn hỗ trợ nguồn sự nghiệp (NSTW)	
					Số hộ	Diện tích	NS địa phương (cấp huyện)	Hỗ trợ đất sản xuất				Hỗ trợ chuyển đổi nghề		Số hộ	Số hộ trợ (TW)	Số hộ trợ (TW)	Số hộ trợ (TW)	Số hộ	Số điểm			Vốn hỗ trợ nguồn Đầu tư (NSTW)
								Số hộ	Diện tích	KP hỗ trợ (TW)	Vốn vay	Số hộ	KP hỗ trợ (TW)						Vốn vay	Tập trung ghép		
1	2	$3=(6+9+13+16+18)$	$4=(11+14+17+21+22)$	$5=(12+15)$	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Krông Nô	1.531	28.999	1.360	107	2,1	143	2	1,0	30,0	100	219	1.095	1.260	1.021	1.531,5	182	1	1	21.750	4592	
2	Cư Jút	1.289	12.651	-								983	4.915		206	309,0	100		1	4.530	2.897	
3	Đắk Mít	618	12.285	10.850								217	1.085	10.850	253	379,5	148	1		9.000	1.820	
4	Đắk Song	941	2.679	16.000								362	1.810	16.000	579	868,5						
5	Gia Nghĩa	19	118	500	4			6	4,5	90,0	300	4	20	200	5	7,5						
6	Đắk Glong	4.711	14.297	117.700	1.159			73	36,5	1.095,0	3.650	2.281	11.405	114.050	1.198	1.797,0						
7	Đắk R'Lấp	403	1.096	5.378	90							179	895	5.378	134	201,0						
8	Tuy Đức	2.696	12.935	34.400	108			521	260,5	7.815,0	26.050	577	2.885	8.350	1.490	2.235,0						
	Tổng cộng	12.208	85.058	186.187,7	1.468,0	2,1	143,4	602	302,5	9.030,0	30.100	4.822	24.110	156.087,7	4.886	7.329,0	430	2,0	2,0	35.280,0	9.309,0	

h

**BIỂU CHI TIẾT CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ, GIAI ĐOẠN 2017-2020
THEO QUYẾT ĐỊNH 2085/QĐ-TTG, NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số: 1522 /QĐ-UBND, ngày 20 /9/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm thực hiện dự án ĐCĐC	Đối tượng du canh, du cư		Tổng mức đầu tư để hoàn thành dự án				Ghi chú
			Số hộ	Số khẩu	Vốn Trung ương			Vốn địa phương và lồng ghép	
					Tổng số	ĐTPT	SN		
TỔNG SỐ			430	2.196	44.589	35.280	9.309		
A	DỰ ÁN ĐCĐC TẬP TRUNG		261	1.344	22.814	19.300	3.514		
I	Dự án ĐCĐC xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil	Xã Đắk Rla	148	776	10.820	9.000	1.820		
1	Phân hiệu trường mầm non	Thôn 5 tầng			600	600			
2	Hội trường thôn	Thôn 5 tầng			1.500	1.500			
3	Công trình cấp nước	Thôn 5 tầng			3.000	3.000			
4	Đường giao thông nội vùng dự án	Thôn 5 tầng			3.900	3.900			
5	Chi trả hỗ trợ	Thôn 5 tầng			1.820		1.820		
II	Dự án ĐCĐC xã Quảng Phú	xã Quảng Phú	113	568	11.994	10.300	1.694		
1	Công trình: Cấp điện tổng thể	Thôn 2, Đốc Năm Châu			2.500	2.500			
2	Công trình: Cấp nước sinh hoạt	Thôn 2, Đốc Năm Châu			1.200	1.200			
3	Công trình: Phân hiệu tiểu học và mẫu giáo	Thôn 2, Đốc Năm Châu			2.000	2.000			
4	Xây dựng đường nội thôn, trong khu quy hoạch	Thôn 2, Đốc Năm Châu			4.000	4.000			
5	Công trình: Nhà văn Hóa thôn	Thôn 2, Đốc Năm Châu			600	600			
6	Kinh phí hỗ trợ làm nhà ở, phát triển SX, mua lương thực 6 tháng	Thôn 2, Đốc Năm Châu	77		1.540		1.540		
7	Kinh phí hỗ trợ di dời	Thôn 2, Đốc Năm Châu	77		154		154		
B	DỰ ÁN ĐCĐC XEN GHÉP		169	852	21.775	15.980	5.795		
I	ĐA ĐCĐC xã Đắk Drông	Xã Đắk Drông	100	465	7.427	4.530	2.897		
1	Công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung	Thôn 15			1.630	1.630			
2	Công trình: Nhà mẫu giáo	Thôn 15			600	600			
3	Đường giao thông nội vùng dự án	Thôn 15			2.300	2.300			
4	thực 6 tháng; kinh phí hỗ trợ bồi thường đất ở, đất SX và kinh phí hỗ trợ di dời	Thôn 15			2.897		2.897		
II	Dự án ĐCĐC xã Đắk Nang	Xã Đắk Nang	69	387	14.348	11.450	2.898		
1	Công trình: Đường nội khu dân cư số 01	Thôn Phú Thịnh			1.000	1.000			
2	Công trình: Đường liên thôn vào điểm dân cư số 02	Thôn Phú Thịnh			3.000	3.000			
3	Công trình: Cấp điện	Thôn Phú Thịnh			2.700	2.700			
4	Công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung	Thôn Phú Thịnh			2.400	2.400			
5	Công trình: Phân hiệu tiểu học & mẫu giáo	Thôn Phú Thịnh			2.350	2.350			
6	Kinh phí hỗ trợ làm nhà ở, phát triển SX, mua lương thực 6 tháng	Thôn Phú Thịnh	69		1.380		1.380		
7	Kinh phí hỗ trợ bồi thường đất ở, đất SX	Thôn Phú Thịnh	69		1.380		1.380		
8	Kinh phí hỗ trợ di dời	Thôn Phú Thịnh	69		138		138		

th